TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày: 14-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1989 tại: Tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số 315 đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị N1 (đã chết); có chồng Trần Trung C và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-12-2019, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 16-12-2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Phạm Quốc S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm H, thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Cao Thị Bích H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Đội 7, thôn Y, xã S, huyện O, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Hữu D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Mạnh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm 1, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N là chủ hiệu Spa N tại địa chỉ: Số 315 đường P, phường T, thành phố Đ có quen biết với Phạm Quốc S. Tối ngày 9-12-2019, S cùng bạn là Vũ Mạnh T và Bùi Hữu D sau khi ăn uống xong do có nhu cầu mua dâm nên cả ba rủ nhau góp tiền đi mua dâm. Do biết N có thể tìm gái bán dâm nên S dùng tài khoản zalo "S" đăng ký số điện thoại 0325259xxx nhắn tin vào tài khoản zalo "N" của N đăng ký số điện thoại 0917314xxx đặt vấn đề với N để mua dâm và nhờ N gọi thêm gái bán dâm cho D và T, N đồng ý. N và S thỏa thuận giá bán dâm 2.000.000 đồng/1 lượt/1 người. Sau đó, N rủ thêm Cao Thị Bích H và Nguyễn Thị B là khách làm đẹp tại quán của N đi bán dâm cùng cho S, D, T. N nói với H và B giá bán dâm 800.000 đồng/1 lượt/1 người (N hưởng chênh lệch 2.400.000 đồng từ tiền bán dâm của H và B cho khách), H và B đồng ý.

Sau khi được thông báo địa điểm mua bán dâm, N cùng H và B đi taxi đến nhà nghỉ P tại địa chỉ: Số 261 đường B, phường V, thành phố Đ. Tại đây, N, H, B gặp chị Đoàn Thị Bích N2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 22/249 đường B, phường V, thành phố Đ là lễ tân của nhà nghỉ P. Lúc này chị Đoàn Thị Bích N2 hỏi N, H, B đi đâu thì cả ba nói có phòng rồi. Sau đó, N đi lên phòng 204 bán dâm cho S và được S đưa số tiền là 6.500.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng là tiền mua dâm N, H, B và 500.000 đồng là tiền công môi giới của N; B đi lên phòng 202 bán dâm cho D; còn H đi lên phòng 203 bán dâm cho T. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc N, H, B, S, T, D đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Nam Định kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang, thu giữ của N số tiền 6.500.000 đồng là tiền bán dâm và môi giới mại dâm mà S đưa trước đó và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của N dùng liên lạc với S để thỏa thuận mua bán dâm, môi giới mại dâm.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N, Phạm Quốc S, Vũ Mạnh T, Bùi Hữu D, Cao Thị Bích H, Nguyễn Thị B khai nhận toàn bộ hành vi mua bán dâm, môi giới mại dâm như đã nêu trên.

Đối với hành vi mua bán dâm của Nguyễn Thị N, Phạm Quốc S, Vũ Mạnh T, Bùi Hữu D, Cao Thị Bích H, Nguyễn Thị B do không cấu thành tội

phạm, nên Công an thành phố Nam Định đã xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với Đoàn Thị Bích N2 là quản lý, lễ tân của nhà nghỉ P khi cho thuê phòng không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý kinh doanh nhà nghỉ đã để xảy ra việc mua bán dâm tại nhà nghỉ, tuy nhiên bản thân N2 không biết các đối tượng thuê phòng để mua bán dâm nên Công an thành phố Nam Định đã xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-TP.NĐ ngày 16-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm". Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm"; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.500.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị N nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 20 giờ 30 phút ngày 09-12-2019, Nguyễn Thị N đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt cho Cao Thị Bích H, Nguyễn Thị B bán dâm cho Vũ Mạnh T và Bùi Hữu D ra tại Nhà nghỉ P, địa chỉ: Số 261 đường B, phường V, thành phố Đ thì bị phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi môi giới cho 02 gái mại dâm Cao Thị Bích H và Nguyễn Thị B nên thuộc trường hợp định khung tăng nặng "Đối với 02 người trở lên" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo không có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử thấy rằng có thể cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cùng với việc cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có công việc ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo là công cụ bị cáo đã sử dụng để thỏa thuận mua bán dâm, môi giới mại dâm với Phạm Quốc S; số tiền 6.500.000 đồng thu giữ là tiền do hành vi phạm tội mà có nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm".

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 14-02-2020.

(Bị cáo có thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2019 đến ngày xét xử 14-02-2020).

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt 03 năm tù đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus và số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhân vật chứng ngày 13-02-2020).

3. Án phí:

- Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**